

MỤC LỤC	Trang
Phần I: SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ .....	2
I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN .....	2
1. Khái quát đặc điểm, nội dung và tính chất hoạt động của Trường Đại học Tân Trào .....	2
1.1. Khái quát nội dung hoạt động .....	2
1.2. Đối tượng, phạm vi, tính chất hoạt động .....	4
a. Quy mô, ngành nghề đào tạo .....	5
b. Công tác nghiên cứu khoa học .....	5
c. Công tác hợp tác quốc tế .....	5
1.3. Cơ chế hoạt động .....	6
2. Những yếu tố tác động đến hoạt động của nhà trường .....	6
2.1. Các yếu tố liên quan đến công tác đào tạo .....	6
2.2. Các yếu tố về số lượng người làm việc .....	8
2.3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học .....	8
2.3.1. Diện tích đất đai, xây dựng .....	8
2.3.2. Trang thiết bị dạy học, học liệu .....	9
2.3.3. Trang thiết bị phục vụ sản xuất, nghiên cứu và CGCN .....	9
II. CƠ SỞ PHÁP LÝ: .....	10
Phần II: XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC VÀ CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP .....	11
I. XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM .....	11
II. XÁC ĐỊNH SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC .....	11
III. XÁC ĐỊNH CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP ..	17
IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT .....	18

**ĐỀ ÁN**  
**VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO**

**Phần I**  
**SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ**

**I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Xây dựng Đề án vị trí việc làm là nhiệm vụ quan trọng, cần phải thực hiện tốt để phục vụ cho công tác cán bộ cũng như cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả hoạt động của Trường Đại học Tân Trào trong thời gian tới.

Mục tiêu của Đề án là xác định được các vị trí việc làm nhằm rà soát lại toàn bộ đội ngũ công chức, viên chức và hợp đồng lao động hiện có của Trường, từ đó có kế hoạch phân bổ, điều chỉnh, bổ sung nguồn nhân lực, bố trí phù hợp với từng đối tượng gắn với vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp viên chức cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của từng đơn vị. Xác định được số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức để thực hiện tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong Trường. Đổi mới được cơ chế quản lý, đánh giá cán bộ, viên chức trên từng lĩnh vực cụ thể, đảm bảo tính khoa học, hiệu quả, công khai, minh bạch, phát huy năng lực, khả năng công tác của các cán bộ, viên chức ở từng đơn vị trong Trường.

**1. Khái quát đặc điểm, nội dung và tính chất hoạt động của Trường Đại học Tân Trào**

**1.1. Khái quát nội dung hoạt động**

Trường Đại học Tân Trào được Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập ngày 14 tháng 8 năm 2013, là cơ sở giáo dục đại học công lập trực thuộc UBND tỉnh Tuyên Quang, chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hoạt động theo Điều lệ trường đại học ban hành theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Thực hiện chức năng đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, triển khai ứng dụng khoa học, công nghệ và làm các dịch vụ đào tạo,

chuyển giao khoa học và công nghệ theo qui định của pháp luật cho tỉnh Tuyên Quang và các tỉnh vùng Tây Bắc, thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế.

Trường Đại học Tân Trào có những nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ Sau đại học, Đại học và các trình độ khác theo cơ cấu khung của hệ thống giáo dục quốc dân, hệ thống văn bằng chứng chỉ về giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật.

- Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực theo quy định của Nhà nước và theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Nghiên cứu khoa học và thực hiện gắn công tác đào tạo với nghiên cứu khoa học. Thực hiện các hoạt động dịch vụ khoa học-kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, thực hành, thực tập phù hợp với ngành nghề đào tạo. Tổ chức các hoạt động thông tin bằng các hình thức: Hội nghị, hội thảo, khảo sát, tham quan học tập kinh nghiệm, in ấn, xuất bản các ấn phẩm, tài liệu, giáo trình phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học theo quy định của Nhà nước.

- Thực hiện các quan hệ hợp tác Quốc tế, liên kết, liên thông về đào tạo-bồi dưỡng nguồn nhân lực, nghiên cứu, triển khai khoa học-công nghệ với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Quản lý tổ chức, biên chế và hợp đồng lao động theo quy định của Nhà nước và phân cấp quản lý của UBND tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài sản theo quy định của pháp luật.

- Giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở trong trường, xây dựng, thực hiện các quy chế, quy định, biện pháp bảo hộ, an toàn lao động.

- Thực hiện chế độ báo cáo UBND tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ quan quản lý các cấp về các hoạt động của trường theo quy định hiện hành.

- Phát hiện và bồi dưỡng nhân tài trong người học và trong đội ngũ cán bộ, giảng viên của nhà trường.

- Quản lý giảng viên, cán bộ, nhân viên; xây dựng đội ngũ giảng viên của trường đủ về số lượng, cân đối về cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề, tuổi và giới. Tổ chức cho giảng viên, cán bộ, nhân viên và người học tham gia các hoạt động xã hội phù hợp với ngành nghề đào tạo và nhu cầu của xã hội.

- Tuyển sinh, tổ chức đào tạo, công nhận tốt nghiệp, cấp văn bằng, chứng chỉ theo đúng quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Quản lý người học theo các quy định hiện hành.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.

Từ sau ngày thành lập, căn cứ vào tình hình thực tế, nhà trường đã tiến hành rà soát tổ chức, bộ máy, thành lập và kiện toàn các đơn vị cơ bản phù hợp với hoạt động của trường đại học theo Điều lệ trường đại học. Hiện tại, cơ cấu tổ chức của nhà trường gồm Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, các phòng, ban, trung tâm, khoa, bộ môn trực thuộc, các hội đồng, các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội. Cụ thể:

*Hội đồng trường;*

*Ban giám hiệu:* Hiệu trưởng và các Phó Hiệu Trưởng;

*Các phòng chức năng:* Phòng Đào tạo; Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng giáo dục; Phòng Thanh tra - Pháp chế; Phòng Tổ chức - Chính trị; Phòng Quản lý sinh viên; Phòng Kế hoạch - Tài vụ; Phòng Hành chính – Quản trị; Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế.

*Các khoa, bộ môn đào tạo:* Khoa Khoa học cơ bản; Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non; Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh; Khoa Nông-Lâm-Ngư nghiệp; Khoa Văn hóa - Du lịch; Khoa Tâm lý - Giáo dục và Công tác xã hội.

*Các cơ sở phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học:* Trung tâm Thực nghiệm, thực hành và Chuyển giao Khoa học công nghệ; Trung tâm Tin học-Ngoại ngữ; Trung tâm Thông tin-Thư viện, Trung tâm TDDT-GDQP-AN; Trung tâm Bồi dưỡng và Phát triển nghề nghiệp.

*Các Hội đồng trong nhà trường:* Hội đồng Khoa học và Đào tạo; Hội đồng Thi đua khen thưởng;...

*Các tổ chức chính trị, chính trị-xã hội:* Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên và Ban Vì sự tiến bộ của Phụ nữ.

## **1.2. Đối tượng, phạm vi, tính chất hoạt động**

Trường Đại học Tân Trào là cơ sở đào tạo đại học, sau đại học, nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực giáo dục, kinh

tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực miền núi phía Bắc và hội nhập quốc tế.

a. Quy mô, ngành nghề đào tạo

Hàng năm, nhà trường thực hiện đào tạo, liên kết đào tạo từ 5.000 đến 6.000 sinh viên, học viên thuộc các lĩnh vực Khoa học tự nhiên, Kỹ thuật, Khoa học xã hội và nhân văn, Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Văn hóa - Du lịch, Nông Lâm - Ngư nghiệp, Quản lý đất đai, Ngoại ngữ và các lĩnh vực khác;

Số ngành nghề đào tạo: hiện tại nhà trường thực hiện đào tạo 15 ngành trình độ đại học; 19 ngành trình độ cao đẳng; 05 ngành trung cấp chuyên nghiệp, liên kết đào tạo 9 ngành trình độ thạc sĩ và các ngành trình độ đại học khác.

b. Công tác nghiên cứu khoa học

Sau hơn 4 năm thành lập Nhà trường đã và đang thực hiện 684 công trình NCKH các loại, bao gồm 2 đề tài cấp nhà nước; 17 đề tài NCKH cấp tỉnh, bộ; 126 đề tài NCKH cấp cơ sở; công bố 453 bài báo khoa học trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước (46 bài được công bố trên các tạp chí khoa học của nước ngoài, trong đó có 17 bài công bố ở tạp chí quốc tế xếp trong danh mục ISI thuộc các ngành Vật lý, Hóa dược, CNTT, Toán học); đã xuất bản 86 giáo trình, sách chuyên khảo và tài liệu tham khảo (26 sách được sử dụng giảng dạy tại các trường đại học trong cả nước, 02 sách chuyên khảo được xuất bản tại CHLB Đức và 57 tài liệu tham khảo).

Tổ chức nghiên cứu và sản xuất thành công giống cây keo lai và các giống cây lâm nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao khác bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào, hiện đã cung cấp cho các đơn vị, cá nhân trồng rừng của tỉnh Tuyên Quang trên 1 triệu cây keo lai mô trong vụ trồng rừng năm 2018. Hiện đang mở rộng sang địa bàn tỉnh Bắc Cạn, Yên Bái.

Tạp chí khoa học Đại học Tân Trào cấp phép hoạt động năm 2015, đến nay đã xuất bản được 06 số và đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp mã số chuẩn quốc tế (ISSN), trong đó có 3 lĩnh vực được Hội đồng Chức danh Giáo sư nhà nước Quyết định tính 0,5đ công trình khoa học: Vật lý, Giáo dục và Văn học.

c. Công tác hợp tác quốc tế

Kể từ khi thành lập trường Đại học (năm 2013) đến nay, nhà trường đã ký kết 19 biên bản ghi nhớ hợp tác với các trường đại học, tổ chức nước ngoài: Philipines, Ba Lan, Thái Lan, Trung Quốc, Hàn Quốc, Indonesia, ....; Tổ chức cho 18 đoàn cán bộ đi thăm quan, học tập, làm việc tại các cơ sở giáo dục đào

tạo ở nước ngoài; Đón tiếp và làm việc với 24 đoàn cán bộ, giảng viên từ các cơ sở giáo dục đào tạo, các trường Đại học, học viện ở nước ngoài đến làm việc tại trường, tổ chức thành công 02 hội thảo quốc tế thu hút được sự tham gia của nhiều học giả đến từ các trường đại học trong khu vực Asean và thế giới.

Nhà trường đã và đang đào tạo 24 lưu học sinh Lào (tỉnh Xiêng Khoảng); Tiếp nhận 02 giảng viên của Đại học Đông Nam Philippines, 02 tình nguyện viên người Australia, 08 sinh viên của Đại học Bắc Philippines, 04 sinh viên của Đại học Đông Nam Philippines, 11 sinh viên Mỹ đến làm việc, thực tập và giao lưu văn hóa; 41 giảng viên, sinh viên đến từ các nước Trung Quốc, Hàn Quốc, Philippin, Lào tham gia chương trình Trao đổi sinh viên tại trường. Cử 02 giảng viên đi giảng dạy tiếng Việt tại Trung Quốc và Lào; 01 cán bộ của tham gia dự án khoa học tại trường Đại học Latrole (Australia); Tổ chức cho 04 sinh viên tham gia diễn đàn quốc tế tại Indonesia; 66 sinh viên đi thực tập chuyên ngành tại các trường đại học ở nước ngoài.

### **1.3. Cơ chế hoạt động**

Trường Đại học Tân Trào hoạt động theo chế độ thủ trưởng. Hiệu trưởng là người đứng đầu và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh Tuyên Quang và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của nhà trường. Trường có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng.

## **2. Những yếu tố tác động đến hoạt động của nhà trường**

Qua thực tiễn cho thấy, hoạt động của Trường Đại học Tân Trào có những yếu tố đặc thù, nổi bật là:

### **2.1. Các yếu tố liên quan đến công tác đào tạo**

- Từ khi nâng cấp thành trường đại học, Trường ĐHTT đã chú trọng tổ chức thực hiện công tác chuyên môn, mở rộng quy mô, loại hình đào tạo, tăng cường liên kết đào tạo với các trường đại học trong và ngoài nước, mở mới các mã ngành đào tạo hệ đại học, đội ngũ giảng viên của nhà trường đã được tăng lên cả về số lượng và chất lượng. Nhà trường đã xây dựng, bổ sung và điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng đổi mới phù hợp với mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra. Đổi mới PPDH theo hướng hiện đại, người học chủ động tự cập nhật và tích lũy tri thức, rèn luyện kỹ năng, phát triển năng lực, đẩy mạnh ứng dụng CNTT và truyền thông trong dạy học. Triển khai thực hiện tốt 3 khâu đột phá trong quá trình đào tạo là xây dựng kế hoạch đào tạo, tổ chức đào tạo và

kiểm tra đánh giá sinh viên. Phân công chuyên môn cho giảng viên đảm bảo hợp lý, phù hợp với trình độ và năng lực giảng dạy.

- Việc tuyển sinh đã được chú trọng nhưng số sinh viên đại học tăng lên không nhiều do số ngành đào tạo còn ít, nhiều ngành mới mở và có ngành chưa tuyển sinh được. Cụ thể trong 15 ngành đào tạo đại học:

+ Có 3 ngành mới mở 2017 chưa tuyển sinh gồm: Sư phạm sinh học, Quản lý văn hóa và Kinh tế nông nghiệp;

+ Có 10 ngành đang thực hiện đào tạo gồm Vật lý và môi trường (28SV), Quản lý đất đai (115SV), Văn-Truyền thông (189SV), Giáo dục Tiểu học (527SV), Giáo dục mầm non (269SV), Kế toán (119SV), Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (21SV), Công tác xã hội (18SV), Khoa học môi trường (36SV), Toán học (20SV);

+ Hai (2) ngành đào tạo có thế mạnh trong nền kinh tế của tỉnh như Khoa học cây trồng, Chăn nuôi thú y không tuyển sinh được.

- Số sinh viên cao đẳng trong hai năm 2015, 2016 đã giảm đi rõ rệt theo xu hướng chung của công tác đào tạo nhân lực cả nước. Tỷ lệ sinh viên hệ cao đẳng ra trường có việc làm đúng ngành không cao, đối với các ngành SP Tiểu học, Mầm non đạt trên 70%, ngành Kế toán đạt trên 90%, Quản lý đất đai trên 60%, các ngành khác chỉ từ 12% đến 30%.

- Tác động ảnh hưởng trực tiếp đến công tác đào tạo của nhà trường từ nhu cầu đào tạo đội ngũ CBVC nhất là của ngành giáo dục của khu vực rất mạnh. Theo khảo sát và thống kê nhu cầu tuyển dụng của các tỉnh trong khu vực đến năm 2022, đối với các ngành đào tạo sư phạm, tỉnh Tuyên Quang cần tuyển dụng 877GV trong đó THCS là 639, THPT là 238; tỉnh Hà Giang cần tuyển dụng 2108GV, trong đó Mầm non 569, Tiểu học 1042, THCS 475 và THPT 22; tỉnh Yên Bái có nhu cầu tuyển dụng 2031GV, trong đó Mầm non là 702, Tiểu học là 671 và THPT là 658; tỉnh Lào Cai cần tuyển dụng 1.054 GV mầm non, 339GV tiểu học và các loại hình khác là 340GV.

Như vậy từ năm 2018 đến năm 2022, khu vực 4 tỉnh lân cận có nhu cầu tuyển dụng 6.749 người làm việc cho riêng ngành giáo dục và cũng là cơ hội lớn cho ĐHTT.

## **2.2. Các yếu tố về số lượng người làm việc**

Tổng số người làm việc được giao năm 2018 là 221 công chức, viên chức và 21 hợp đồng lao động theo Nghị định 68/NĐ-CP.

Tổng số công chức, viên chức, giảng viên, người lao động hiện có (tính đến 04/2018): 303 người; Trong đó :

Công chức, viên chức và người lao động HĐ theo Nghị định 68 là: 217 người; Người lao động hợp đồng theo nhu cầu sử dụng: 86 người, bao gồm: giảng viên; kỹ sư, chuyên viên và nhân viên; Trong đó Giáo sư, Phó giáo sư 01, 27 Tiến sỹ, 175 Thạc sỹ, 65 Cử nhân, kỹ sư và 36 trình độ khác.

Chuyên ngành đào tạo của các giảng viên bao gồm tất cả các khối ngành: Sư phạm, Kinh tế-Quản trị kinh doanh, nông lâm ngư nghiệp, văn hóa-du lịch, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn. Ngoài giảng viên, các viên chức của nhà trường còn được đào tạo và hoạt động trong các đơn vị hỗ trợ, phục vụ, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

*(Thông tin về thực trạng đội ngũ viên chức chi tiết tại Phụ lục 8)*

Trên cơ sở các yếu tố tác động đến đội ngũ viên chức các loại hình của ĐHTT, nhà trường đã bố trí, sắp xếp cho toàn bộ cán bộ giảng viên, nhân viên tham gia trực tiếp giảng dạy và làm các công việc theo chuyên môn được đào tạo và kiêm nhiệm thêm một số công việc khác phù hợp dựa trên trình độ, khả năng và chuyên ngành.

## **2.3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học**

### **2.3.1. Diện tích đất đai, xây dựng**

- Hiện nay, diện tích đất của nhà trường cấp là 57,469 ha; diện tích xây dựng là 27.268m<sup>2</sup> (Giảng đường 9.847m<sup>2</sup> gồm trên 80 phòng học từ 50 đến 200 chỗ; Phòng học máy tính, phòng học ngoại ngữ 749m<sup>2</sup>; Thư viện 600m<sup>2</sup>; 11 phòng thí nghiệm, xưởng thực hành 10.429m<sup>2</sup>; Ký túc xá 155 phòng diện tích xây dựng 7.606m<sup>2</sup> và các diện tích khác như nhà ăn, hội trường, nhà thi đấu đa năng diện tích 3.529.62m<sup>2</sup>); với những diện tích xây dựng nêu trên tạm thời đáp ứng quy mô đào tạo hiện tại.

- Khu vực Ký túc xá sinh viên gồm 5 toà nhà (thuộc 2 khu) có khả năng đáp ứng chỗ ở cho khoảng 1.500 sinh viên, trong đó có 2 nhà với gần 1000 chỗ ở khép kín, có đủ trang thiết bị phục vụ nhu cầu sinh hoạt, 3 nhà khoảng 500 chỗ



ở không khép kín, chưa thực sự đủ các tiện nghi để phục vụ sinh hoạt, học tập với nhu cầu ngày một cao của sinh viên. Đã nâng cấp một số phòng trong khu KTX đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của lưu học sinh cũng như các nhà khoa học đến lưu trú và làm việc tại Trường.

- Khu vực Hiệu bộ là khu nhà 4 tầng với các phòng làm việc của các khoa, phòng, bộ môn nhưng chưa có phòng làm việc riêng của giáo sư, phó giáo sư, chưa có đủ phòng xemina, phòng bảo vệ luận văn, luận án. Phòng làm việc chung của các đơn vị khoa còn chật vì khu nhà được xây dựng từ năm 1999.

- Khu vực hoạt động ngoài trời, TDTT, văn hóa văn nghệ gồm sân vận động, nhà thi đấu, các khu sân bóng rổ, bóng chuyền, ... rộng trên 12.000m<sup>2</sup> có đủ các thiết bị thi đấu và tập luyện, phục vụ cho các hoạt động lớn của tỉnh cũng như của nhà trường và dân cư trong khu vực đang góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện của Nhà trường.

### ***2.3.2. Trang thiết bị dạy học, học liệu***

- Hiện nay nhà trường tương đối đầy đủ trang thiết bị dạy học, thí nghiệm thực hành các môn học Vật lý, Hóa học, Sinh học, Âm nhạc, Mỹ thuật, Quản lý đất đai, Khoa học môi trường, Chăn nuôi, Trồng trọt, có trên 700 máy tính, máy trợ giảng, projector và thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập và quản lý, tất cả máy tính đã được nối mạng nội bộ và internet tốc độ cao. Mạng wifi đã phủ kín các khu vực trong nhà trường như Giảng đường, Thư viện, Khu làm việc, riêng khu vực Ký túc xá (từ 5h00 đến 24h00 hàng ngày).

- Thư viện có trên 8.000 đầu sách, tài liệu số, luận văn, luận án tiến sĩ, thạc sĩ, báo cáo của các đề tài nghiên cứu khoa học và các loại báo, tạp chí và ấn phẩm. Có phòng đọc sách, báo, tạp chí với 01 phòng đọc mở, 02 phòng mượn với diện tích tổng cộng trên 800m<sup>2</sup> với trên 400 chỗ đọc sách và phòng tra cứu Internet, việc mua sách, giáo trình và nâng cấp, mua sắm một số phương tiện hiện đại phục vụ hoạt động của Thư viện đã được thực hiện thường xuyên.

### ***2.3.3. Trang thiết bị phục vụ sản xuất, nghiên cứu và CGCN***

Trung tâm Thực nghiệm thực hành và Chuyển giao khoa học công nghệ với các ngành nông lâm nghiệp đang quản lý và vận hành khu Nhà nuôi cấy mô đã được đầu tư xây dựng mới, trang thiết bị hiện đại, từng bước đáp ứng nhu cầu học tập của người học cũng như nhu cầu nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ. Hiện tại, trung tâm đang tổ chức sản xuất tốt các giống cây lâm nghiệp

công nghệ cao để cung cấp cho thị trường trong và ngoài tỉnh Tuyên Quang. Các phòng thí nghiệm, thực hành khác cũng được trang bị cơ bản đủ các thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy học và nghiên cứu, đồng thời hàng năm có thay thế, bổ sung và thiết bị mới, phù hợp.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định hiện hành, nhưng trên thực tế nhà trường phải thực hiện rất nhiều nội dung công việc cụ thể khác mà UBND tỉnh Tuyên Quang giao. Do đó, việc xác định vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp của Trường có ý nghĩa quan trọng, nhằm làm rõ và phân công công việc đúng người, đúng nhiệm vụ; xác định được yêu cầu đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm; là cơ sở để thực hiện việc tuyển dụng đúng người, đúng trình độ năng lực, yêu cầu cho vị trí việc làm và xác định được số lượng người làm việc cần thiết cho việc đảm nhận và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

## **II. CƠ SỞ PHÁP LÝ:**

Luật Viên chức số 58/2012/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII.

Luật Giáo dục đại học 08/2012/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Nghị định số 41/NĐ-CP, ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Quyết định số 1404/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tân Trào;

Điều lệ trường đại học ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 8/5/2012 của Chính phủ Quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Thông tư liên tịch 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28 tháng 11 năm 2014 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu

chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập;

Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên;

Thông tư 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

## **Phần II**

### **XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC VÀ CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**

#### **I. XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM**

Căn cứ Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 của Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ, Trường Đại học Tân Trào xác định danh mục vị trí việc làm như sau:

<b>STT</b>	<b>DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM</b>	<b>Ghi chú</b>
1	2	3
<b>A</b>	<b>Tên vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành (11 vị trí)</b>	
1	Vị trí Chủ tịch Hội đồng trường	
2	Vị trí Hiệu trưởng	
3	Vị trí Phó Hiệu trưởng	
4	Vị trí Trưởng khoa	
5	Vị trí Phó Trưởng khoa	
6	Vị trí Trưởng Bộ môn trực thuộc khoa	
7	Vị trí Phó Trưởng bộ môn trực thuộc khoa	
8	Vị trí Trưởng phòng	
9	Vị trí Phó Trưởng phòng	
10	Vị trí Giám đốc Trung tâm thuộc Trường	
11	Vị trí Phó Giám đốc Trung tâm thuộc Trường	
<b>B</b>	<b>Nhóm công việc hoạt động nghề nghiệp (32 vị trí)</b>	
1	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Toán học	

2	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Vật lý	
3	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Sinh học	
4	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Hóa học	
5	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Tin học	
6	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Tiếng Anh	
7	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Văn - Truyền thông	
8	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Lịch Sử	
9	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Địa lý	
10	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Lý luận chính trị	
11	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Giáo dục mầm non	
12	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Giáo dục Tiểu học	
13	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Kinh tế	
14	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Kế toán	
15	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng	
16	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Khoa học cây trồng	
17	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Quản lý đất đai	
18	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Công nghệ sinh học	
19	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Chăn nuôi thú y	
20	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Sinh thái học	
21	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Khoa học môi trường	
22	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Âm nhạc	
23	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Mỹ thuật	
24	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Văn hóa học	
25	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Tiếng Trung	
26	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Quản trị du lịch và lữ hành	
27	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Quản lý văn hóa	
28	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Giáo dục học	
29	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Tâm lý học	
30	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Công tác xã hội	

31	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Giáo dục thể chất	
32	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Giáo dục quốc phòng an ninh	
<b>C</b>	<b>Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ (25 vị trí)</b>	
1	Tổ chức nhân sự	
2	Đào tạo	
3	Khảo thí và đảm bảo chất lượng	
4	Văn thư, lưu trữ	
5	Hành chính tổng hợp	
6	Phục vụ	
7	Nhân viên kỹ thuật	
8	Y tế	
9	Bảo vệ	
10	Lái xe	
11	Công tác sinh viên	
12	Kế toán	
13	Thủ quỹ	
14	Quản lý xây dựng cơ bản	
15	Quản lý hoạt động khoa học	
16	Hợp tác trong và ngoài nước	
17	Tạp chí khoa học	
18	Thanh tra - Pháp chế	
19	Công nghệ thông tin	
20	Nghiên cứu	
21	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	
22	Thư viện	
23	Truyền thông	
24	Trợ lý khoa	
25	Cố vấn học tập	

## II. XÁC ĐỊNH SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC

Căn cứ Điều 5, Điều 6 Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập, Trường Đại học Tân Trào xác định số lượng người làm việc như sau:

STT	DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Chức danh nghề nghiệp tương ứng tối thiểu	Hạng của chức danh nghề nghiệp tối thiểu	Xác định số lượng người làm việc cần thiết theo biên chế được giao đến năm 2021
1	2	4	5	6
<b>A</b>	<b>Tên vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành (11 vị trí)</b>			
1	Vị trí Chủ tịch Hội đồng trường	Chuyên viên chính hoặc tương đương	Hạng II hoặc tương đương	1
2	Vị trí Hiệu trưởng	Giảng viên chính	Hạng II	1
3	Vị trí Phó Hiệu trưởng	Giảng viên chính	Hạng II	3
4	Vị trí Trưởng khoa	Giảng viên	Hạng III	7
5	Vị trí Phó Trưởng khoa	Giảng viên	Hạng III	12
6	Vị trí Trưởng Bộ môn trực thuộc khoa	Giảng viên	Hạng III	Kiểm nhiệm
7	Vị trí Phó Trưởng bộ môn trực thuộc khoa	Giảng viên	Hạng III	Kiểm nhiệm
8	Vị trí Trưởng phòng	Giảng viên hoặc tương đương	Hạng III	8
9	Vị trí Phó Trưởng phòng	Giảng viên hoặc tương đương	Hạng III	12
10	Vị trí Giám đốc Trung tâm thuộc Trường	Giảng viên hoặc tương đương	Hạng III	5
11	Vị trí Phó Giám đốc Trung tâm thuộc Trường	Giảng viên hoặc tương đương	Hạng III	8
	<b>Tổng số người làm việc cần thiết theo biên chế được giao mục A:</b>			<b>57</b>
<b>B</b>	<b>Nhóm công việc hoạt động nghề nghiệp (32 vị trí)</b>			
1	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Toán học	Giảng viên	Hạng III	4

2	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Vật lý	Giảng viên	Hạng III	4
3	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Sinh học	Giảng viên	Hạng III	4
4	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Hóa học	Giảng viên	Hạng III	4
5	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Tin học	Giảng viên	Hạng III	4
6	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Tiếng Anh	Giảng viên	Hạng III	6
7	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Văn - Truyền thông	Giảng viên	Hạng III	4
8	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Lịch Sử	Giảng viên	Hạng III	4
9	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Địa lý	Giảng viên	Hạng III	4
10	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Lý luận chính trị	Giảng viên	Hạng III	7
11	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Giáo dục mầm non	Giảng viên	Hạng III	8
12	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Giáo dục Tiểu học	Giảng viên	Hạng III	8
13	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Kinh tế	Giảng viên	Hạng III	3
14	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Kế toán	Giảng viên	Hạng III	3
15	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng	Giảng viên	Hạng III	2
16	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Khoa học cây trồng	Giảng viên	Hạng III	2
17	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Quản lý đất đai	Giảng viên	Hạng III	2
18	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Công nghệ sinh học	Giảng viên	Hạng III	2
19	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Chăn nuôi thú y	Giảng viên	Hạng III	2
20	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Sinh thái học	Giảng viên	Hạng III	2
21	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Khoa học môi trường	Giảng viên	Hạng III	2
22	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Âm nhạc	Giảng viên	Hạng III	3
23	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Mỹ thuật	Giảng viên	Hạng III	3
24	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Văn hóa học	Giảng viên	Hạng III	2
25	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Tiếng Trung	Giảng viên	Hạng III	1
26	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Quản trị du lịch và lữ hành	Giảng viên	Hạng III	2
27	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc	Giảng	Hạng III	2

	chuyên ngành Quản lý văn hóa	viên		
28	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Giáo dục học	Giảng viên	Hạng III	3
29	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Tâm lý học	Giảng viên	Hạng III	3
30	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Công tác xã hội	Giảng viên	Hạng III	2
31	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Giáo dục thể chất	Giảng viên	Hạng III	5
32	Giảng viên giảng dạy các bộ môn học thuộc chuyên ngành Giáo dục quốc phòng an ninh	Giảng viên	Hạng III	5
	<b><i>Tổng số người làm việc cần thiết theo biên chế được giao mục B</i></b>			<b>112</b>
<b>C</b>	<b>Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ (25 vị trí)</b>			
1	Tổ chức nhân sự	Chuyên viên, giảng viên	Hạng III và tương đương	2
2	Đào tạo	Chuyên viên, giảng viên	Hạng III và tương đương	1
3	Khảo thí và đảm bảo chất lượng	Chuyên viên, giảng viên	Hạng III và tương đương	1
4	Văn thư, lưu trữ	Nhân viên	Hạng IV và tương đương	1
5	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên	Hạng III và tương đương	1
6	Phục vụ	Nhân viên	Hạng IV và tương đương	1
7	Nhân viên kỹ thuật	Nhân viên kỹ thuật	Hạng IV và tương đương	3
8	Y tế	Nhân viên	Hạng IV và tương đương	2
9	Bảo vệ	Nhân viên	Hạng IV và tương đương	7
10	Lái xe	Nhân viên	Hạng IV và tương đương	2
11	Công tác sinh viên	Chuyên viên, giảng viên	Hạng III và tương đương	3
12	Kế toán	Kế toán viên	Hạng III và tương đương	3



13	Thủ quỹ	Thủ quỹ	Hạng IV và tương đương	1
14	Quản lý xây dựng cơ bản	Kỹ sư	Hạng III và tương đương	1
15	Quản lý hoạt động khoa học	Chuyên viên, giảng viên	Hạng III và tương đương	1
16	Hợp tác trong và ngoài nước	Chuyên viên, giảng viên	Hạng III và tương đương	1
17	Tạp chí khoa học	Chuyên viên, giảng viên	Hạng III và tương đương	1
18	Thanh tra - Pháp chế	Chuyên viên, giảng viên	Hạng III và tương đương	1
19	Công nghệ thông tin	Kỹ thuật viên	Hạng IV và tương đương	2
20	Nghiên cứu	Kỹ sư, nghiên cứu viên, chuyên viên	Hạng III và tương đương	3
21	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	Kỹ thuật viên, nhân viên kỹ thuật	Hạng IV và tương đương	4
22	Thư viện	Thư viện viên	Hạng III và tương đương	5
23	Truyền thông	Chuyên viên	Hạng III và tương đương	2
24	Trợ lý khoa	Giảng viên	Hạng III	Kiểm nhiệm
25	Cố vấn học tập	Giảng viên	Hạng III	Kiểm nhiệm
	<b><i>Tổng số người làm việc cần thiết theo biên chế được giao mục C:</i></b>			<b>49</b>

### III. XÁC ĐỊNH CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Căn cứ Điều 8, Điều 9 của thông tư 14/2012/TT-BNV của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập, cơ cấu viên chức theo chức danh

nghề nghiệp tối thiểu và hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu của Trường Đại học Tân Trào được xác định cụ thể như sau:

- Viên chức tương ứng với chức danh nghề nghiệp hạng I hoặc tương đương: tổng số 0 người, tỷ lệ khoảng 0%
- Viên chức tương ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II hoặc tương đương: tổng số 05 người tỷ lệ khoảng 2,29 %
- Viên chức tương ứng với chức danh nghề nghiệp hạng III hoặc tương đương: tổng số 190 người, tỷ lệ khoảng 87,2 %
- Viên chức tương ứng với chức danh nghề nghiệp hạng IV hoặc tương đương: tổng số 23 người, tỷ lệ khoảng 10,5 %

#### **IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

Việc giảm biên chế của ĐHTT cần thực hiện theo lộ trình đến 2021, sau khi tuyển dụng thêm số biên chế được giao hiện chưa thực hiện tuyển dụng đối với những vị trí việc làm cần thiết còn thiếu, nhà trường sẽ sắp xếp để tinh giản biên chế tại các vị trí không còn phù hợp và không nên cắt giảm ngay vì nhà trường hiện đang rất cần nguồn nhân lực cho sự phát triển. Theo lộ trình đến 2021, ĐHTT sẽ tinh giảm biên chế theo đúng số lượng yêu cầu.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN  
PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN**

**HIỆU TRƯỞNG**

**PGS.TS. Nguyễn Bá Đức**